TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026 cuả UBND phường Hà Đông)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Nguồn thu							Chi thường xuyên giao tự chủ					Kinh phí NS hỗ trợ	Tỷ lệ đảm bảo chi TX (%)	Phương án phân loại tự chủ tài chính
		Tổng cộng	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	*Trong đó: thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ*	Thu từ các nhiệm vụ KHCN	Thu phí theo pháp luật phí, lệ phí	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công không sử dụng NSNN (phần chênh lệch thu lớn hơn chi)	Thu khác	Tổng cộng	Chi tiền lương, tiền công	Chi hoạt động chuyên môn	Chi quản lý	Chi TX khác			
1	2	3=4+6+7+8+9	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16=3/10*100%	17
A	**ĐƠN VỊ SNCL TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN**															
I	**Lĩnh vực giáo dục**															
1	Mầm non Ngô Thì Nhậm	16.982	16.982	16.780					16.982	12.700		4.282			100%	Đơn vị SNC tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)
2	Mầm non Vạn Phúc	19.711	19.711	18.826					19.711	14.159		5.552			100%	Đơn vị SNC tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)
3	Mầm non Hoa Sen	17.164	17.164	16.275					17.164	11.585		5.579			100%	Đơn vị SNC tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)
4	Tiểu học Vạn Bảo	39.482	39.482	4.909					36.175	10.371	16.550	9.254			109%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)
5	THCS Trần Phú	34.692	34.692	33.533					34.692	28.933		5.759			100%	Đơn vị SNC tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)
6	THCS Lê Lợi	64.400	64.400						51.400	15.400	8.000	20.000	8.000		125%	Đơn vị SNC tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)

TT	Tên đơn vị	Nguồn thu							Chi thường xuyên giao tự chủ					Kinh phí NS hỗ trợ	Tỷ lệ đảm bảo chi TX (%)	Phương án phân loại tự chủ tài chính
		Tổng cộng	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	*Trong đó: thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ*	Thu từ các nhiệm vụ KHCN	Thu phí theo pháp luật phí, lệ phí	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công không sử dụng NSNN (phần chênh lệch thu lớn hơn chi)	Thu khác	Tổng cộng	Chi tiền lương, tiền công	Chi hoạt động chuyên môn	Chi quản lý	Chi TX khác			
1	2	3=4+6+7+8+9	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16=3/10*100%	17
II	**Lĩnh vực khác**															
1	Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng	2.530						2.530	2.139	1.729	60,9	344,8	4,5		118%	Đơn vị SNC tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)
2	Ban quản lý chợ Hà Đông	14.201	14.201	-	-	-			13.530	9.303	1.396		2.831		105%	Đơn vị SNC tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2)
B	**ĐƠN VỊ SNCL ĐẢM BẢO MỘT PHẦN CHI THƯỜNG**															
I	**Lĩnh vực giáo dục**															
1	Mầm non Nguyễn Trãi	2.985	2.985						29.308	26.075		3.233		26.323	10%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
2	Mầm non Mộ Lao	1.758	1.758						15.130	12.474		2.656		13.372	12%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
3	Mầm non Quang Trung	1.372	1.372						13.619	12.155		1.464		12.247	10%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
4	Tiểu học Đoàn Kết	5.070	5.070						32.213	24.411		7.802		27.143	16%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)

TT	Tên đơn vị	Nguồn thu							Chi thường xuyên giao tự chủ					Kinh phí NS hỗ trợ	Tỷ lệ đảm bảo chi TX (%)	Phương án phân loại tự chủ tài chính
		Tổng cộng	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	*Trong đó: thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ*	Thu từ các nhiệm vụ KHCN	Thu phí theo pháp luật phí, lệ phí	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công không sử dụng NSNN (phần chênh lệch thu lớn hơn chi)	Thu khác	Tổng cộng	Chi tiền lương, tiền công	Chi hoạt động chuyên môn	Chi quản lý	Chi TX khác			
1	2	3=4+6+7+8+9	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16=3/10*100%	17
5	Tiểu học La Khê	4.717	4.717						30.738	23.165		7.573		26.021	15%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
6	Tiểu học Nguyễn Du	5.455	5.455						37.970	32.269		5.701		32.515	14%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
7	Tiểu học Nguyễn Trãi	3.833	3.833						25.622	19.143		6.479		21.789	15%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
8	Tiểu học Văn Yên	4.078	4.078						25.383	19.731		5.652		21.305	16%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
9	THCS Nguyễn Trãi	3.125	3.125						23.313	19.321		3.992		20.188	13%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
10	THCS Trần Đăng Ninh	2.766	2.766						21.697	18.163		3.534		18.931	13%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
11	THCS Văn Khê	3.255	3.255						20.746	16.589		4.157		17.491	16%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
12	THCS Văn Yên	4.033	4.033						25.511	20.359		5.152		21.478	16%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)

TT	Tên đơn vị	Nguồn thu							Chi thường xuyên giao tự chủ					Kinh phí NS hỗ trợ	Tỷ lệ đảm bảo chi TX (%)	Phương án phân loại tự chủ tài chính
		Tổng cộng	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	*Trong đó: thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ*	Thu từ các nhiệm vụ KHCN	Thu phí theo pháp luật phí, lệ phí	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công không sử dụng NSNN (phần chênh lệch thu lớn hơn chi)	Thu khác	Tổng cộng	Chi tiền lương, tiền công	Chi hoạt động chuyên môn	Chi quản lý	Chi TX khác			
1	2	3=4+6+7+8+9	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16=3/10*100%	17
13	Tiểu học và THCS Hà Đông	5.222	5.222						33.350	26.296		7.054		28.128	16%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
14	Tiểu học và THCS Lê Hồng Phong	3.318	3.318						25.583	21.713		3.870		22.265	13%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
15	Tiểu học và THCS Vạn Phúc	2.569	2.569						19.795	16.926		2.869		17.226	13%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
II	**Lĩnh vực Văn hoá thông tin**															
1	Trung tâm Văn hoá thông tin thể thao	3.935					3.935		12.245	4.031	6.120	1.883	211		32%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
III	**Lĩnh vực y tế**															
1	Trạm y tế phường	1.500	1.500					-	15.698	8.061	6.337	406	894		10%	Đơn vị SNC tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3)
B	**ĐƠN VỊ SNCL DO NN ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN**															
I	**Lĩnh vực giáo dục**															

TT	Tên đơn vị	Nguồn thu							Chi thường xuyên giao tự chủ					Kinh phí NS hỗ trợ	Tỷ lệ đảm bảo chi TX (%)	Phương án phân loại tự chủ tài chính
		Tổng cộng	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	*Trong đó: thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ*	Thu từ các nhiệm vụ KHCN	Thu phí theo pháp luật phí, lệ phí	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công không sử dụng NSNN (phần chênh lệch thu lớn hơn chi)	Thu khác	Tổng cộng	Chi tiền lương, tiền công	Chi hoạt động chuyên môn	Chi quản lý	Chi TX khác			
1	2	3=4+6+7+8+9	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16=3/10*100%	17
II	**Lĩnh vực đào tạo**															
1	Trung tâm chính trị	-							3.324	1.024	2.016	36	248		0%	Đơn vị SNC do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4)